TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2019/KDTM-PT
Ngày: 16-01-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê khoán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Ngọc Anh**
Các Thẩm phán: **Bà Hà Thanh Thủy**
Bà Nguyễn Thu Chinh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:
Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trịnh Ngọc Hân** - Cán bộ Tòa án

Ngày 7 và ngày 16 tháng 01 năm 2019, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng thuê khoán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2018/KDTM-ST ngày 01-10-2018 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5901/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958**
Địa chỉ: Số 141A khu phố 3A, Phường P1, Quận P2, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn S, sinh năm 1973
Địa chỉ: Số 17 đường D, phường D1, Quận D2, TP. Hồ Chí Minh
(Giấy ủy quyền số: 1191 ngày 13-01-2017). *Có mặt*

Bị đơn: **Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP**
Trụ sở: 52/1 đường số 10, Phường G1, quận G2, TP.Hồ Chí Minh.
Địa chỉ LL: 152/7 đường số 10, Phường G1 (phường G2 cũ), quận G3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị H, sinh năm 1979
Địa chỉ: 55 đường Q (trệt + lửng), phường Q1, Quận Q2, TP.Hồ Chí Minh
(Giấy ủy quyền số: 68/LSP ngày 25/4/2017). *Có mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- **Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G**
Địa chỉ: Số 179 đường B, Phường B1, quận B2, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện: *Vắng mặt*

2- Bà Hà Thị Lan H, sinh năm 1985
Địa chỉ: 29/1 đường C, Phường C1, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh
(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I- Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm

1) Nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 8 năm 2014, ông Phạm Văn T và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP (viết tắt là Công ty LSP) do bà Đinh Thị L, chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của bị đơn có ký hợp đồng khoán việc với nội dung như sau:

- Công ty LSP giao cho ông Phạm Văn T triển khai thực hiện công việc giữ xe tại Công Viên LH, phường L1, quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh. Công viên này do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ công ích Quận G quản lý.

- Ngay sau khi ký hợp đồng, ông T phải chuyển cho bị đơn số tiền cọc là 500.000.000 (*Năm trăm triệu*) đồng nhằm mục đích đảm bảo tài sản của phía bị đơn đã đầu tư cho hoạt động giữ xe tại Công viên LH.

- Tiền mặt bằng nộp cho bị đơn mỗi tháng là 40.000.000 đồng.

Cùng vào ngày ký kết hợp đồng (25 tháng 8 năm 2014), ông T đã giao cho bà Đinh Thị L - đại diện pháp luật của Công ty LSP số tiền 500.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền có lập biên nhận và nguyên đơn tiến hành hoạt động giữ xe theo thỏa thuận.

Ngày 10 tháng 9 năm 2016, Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G đóng cửa bãi giữ xe với lý do là bị đơn không đóng tiền mặt bằng cho Công ty này. Do đó, nguyên đơn không tiếp tục hoạt động giữ xe được.

Đến ngày 13 tháng 9 năm 2016, bị đơn đã đóng tiền cho Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G và sau đó bị đơn tự ý mở khóa vào tiếp quản cơ sở vật chất đồng thời ngăn cản không cho nhân viên của nguyên đơn vào bãi xe. Bị đơn đã cho người quản lý kinh doanh bãi xe từ đó cho đến nay.

Sau khi bị đơn tiếp quản bãi xe LH quận L, nguyên đơn đã lập bản kê thông báo số tiền còn nợ lại liên quan đến hợp đồng khoán việc gửi cho bị đơn và bà Đinh Thị L, cụ thể là:

+ Bị đơn còn giữ của nguyên đơn tiền cọc bãi giữ xe là 500.000.000 đồng,

+ Số tiền mặt bằng nguyên đơn chưa nộp cho bị đơn tính từ ngày 01-01-2016 (tháng 12 âm lịch) đến ngày 10-9-2016 là 249.000.000 đồng .

Như vậy sau khi cấn trừ vào tiền đặt cọc 500.000.000 đồng thì số tiền còn lại mà bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn là 241.000.000 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn và bà Đinh Thị L phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên nhưng bị đơn và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án quận Gò Vấp buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 241.000.000 đồng. Phương thức thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 13-02-2017, nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện do tính nhầm nên nguyên đơn yêu cầu: Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 251.000.000 đồng.

Ngày 26-01-2018 và ngày 18-6-2018, trong 02 lần hòa giải ông Nguyễn S đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 211.000.000 đồng, phương thức thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút yêu cầu đòi ông Cao Quí Đ số tiền 40.000.000 đồng

Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn

2) Bị đơn trình bày:

Ngày 02-04-2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP được Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G cho thuê mặt bằng theo Hợp đồng số 31/DVCI ngày 02-4-2013 và Hợp đồng số 04/HĐ-DVCI ngày 11-02-2015.

Ngay sau khi được Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G cho thuê mặt bằng, bị đơn khai thác và sử dụng mặt bằng thuê nhưng đến ngày 25-8-2014 thì bị đơn đã khoán việc cho nguyên đơn thực hiện việc trông giữ xe tại Công viên LH quận G và hai bên ký hợp đồng.

Tại Điều I của hợp đồng với công việc khoán là trông coi giữ xe tại Công viên LH quận G. Tiền mặt bằng là 40.000.000 đồng một tháng, thanh toán hàng tháng và tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng để đảm bảo tài sản của bên bị đơn đã đầu tư cho hoạt động tại khu vực bãi giữ xe của Công viên. Thời hạn của hợp đồng là 01 năm. Ngay chiều ngày 25-8-2014, nguyên đơn bắt đầu tiến hành hoạt động trông giữ xe.

Ngày 27-4-2014, bị đơn đã bàn giao tài sản của công ty cho nguyên đơn theo biên bản số 12/LSP-2014 và biên bản số 08/LSP-20105 ký ngày 27-8-2015, gồm các tài sản sau:

- 22 hàng rào từ bãi 1 đường Cây Trâm đến bãi số 2 cổng đường Lê Văn Thọ;
- 19 hàng rào từ bãi 2 đường Lê Văn Thọ tiếp giáp với góc đường Cây Trâm;
- 02 Lô cốt để đựng máy móc;
- 09 Camera hiệu Keeper;
- 02 CPU mang nhãn hiệu Deluxe;
- 02 màn hình nhãn hiệu HP;
- 02 bộ đọc thẻ từ và 1.200 thẻ từ;
- 02 phần mềm kểm soát bãi xe;
- 04 bộ đàm hiệu KenWood và cục sạc.

Nguyên đơn tiến hành hoạt động bãi giữ xe từ ngày 25-8-2014 đến ngày 10-9-2016 là 24,5 tháng nhưng chỉ thanh toán cho bị đơn tiền mặt bằng có 120.000.000 đồng còn lại 21,5 tháng chưa thanh toán cho bị đơn gây thiệt hại cho bị đơn.

Do nguyên đơn không đóng tiền nên ngày 08-8-2016, Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G đã gửi giấy báo thu tiền mặt bằng là 242.500.000 đồng. Sau khi nhận giấy báo bị đơn đã báo cho nguyên đơn biết sự việc trên và yêu cầu nguyên đơn đóng tiền mặt bằng của những tháng chưa đóng nhưng nguyên đơn không đóng dẫn đến Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G đã đóng cửa bãi xe.

Ngay khi bị đóng cửa bãi giữ xe bị đơn đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn họp bàn giải quyết tiền mặt bằng nguyên đơn nợ và giải quyết những việc liên quan đến bãi xe nhưng nguyên đơn đều không tham dự.

Để mở lại bãi xe bị đơn đã tìm mọi cách trả nợ cho Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G. Khi được Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G mở lại bãi xe thì bị đơn báo cho nguyên đơn biết và đề nghị tiếp quản bãi xe nhưng nguyên đơn không tới.

Nhận thấy, nguyên đơn không muốn tiếp tục công việc tại Công viên LH nên bị đơn yêu cầu trả chìa khóa cùng tài sản nhưng nguyên đơn cố tình không trả còn lấy tài sản mang về nhà gồm 600 thẻ từ và camera quản lý bãi xe. Tại thời điểm mở bãi xe không có nguyên đơn hay nhân viên nào của nguyên đơn nên không có việc ngăn cản nguyên đơn vào bãi xe.

Do nguyên đơn đã không tiếp nhận bãi xe nên bị đơn phải tiếp quản. Hành vi không thanh toán tiền thuê mặt bằng hàng tháng, không tiếp quản bãi xe khi bãi xe được mở cửa lại, không giao trả 600 thẻ từ và camera quản lý bãi xe là hành vi vi phạm quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm 10-9-2016 nguyên đơn nợ tiền thuê mặt bằng là 860.000.000 đồng.

Nguyên nhân dẫn đến bị đóng cửa bãi xe là do nguyên đơn không thanh toán tiền thuê mặt bằng trong một thời gian dài dẫn đến không có tiền thanh toán cho Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G. Khi bãi xe bị đóng cửa bị đơn đã nhiều lần mời nguyên đơn để tìm ra giải pháp nhưng nguyên đơn không chịu tới. Vì những lý do trên, ngày 18-5-2017 và ngày 04-6-2018 bà Đinh Thị L là đại diện cho bị đơn có yêu cầu phản tố và bổ sung phản tố yêu cầu cụ thể như sau:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc nguyên đơn trả cho bị đơn:

+ Tiền mặt bằng là (980.000.000 đồng – 500.000.000 đồng -280.000.0000 đồng) = 200.000.000 đồng;

+ 600 thẻ từ và camera tương đương với số tiền là: 10.200.000 đồng;

+ Tiền mặt bằng trong thời gian Công ty dịch vụ công ích G đóng cửa (10 ngày) với số tiền là 13.300.000 đồng;

+ Tiền lãi hàng tháng theo lãi suất quy định của ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm tương đương với 0,75 %/tháng, tạm tính từ ngày 10-9-2016 đến nay 10-5-2018 là 33.525.000 đồng (=223.500.000 x 0,75%) : 100% x 20 tháng).

Tổng số tiền nguyên đơn phải trả cho bị đơn là 257.025.000 đồng và thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải trả cho Công ty LSP 600 thẻ từ và camera tương đương với số tiền 10.200.000 đồng; 13.300.000 đồng tiền mặt bằng trong thời gian Công ty dịch vụ công ích G đóng cửa (10 ngày); 33.525.000 đồng tiền lãi hàng tháng.

3). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G) trình bày:

Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G có ký hợp đồng cho thuê mặt bằng giữ xe theo số 31/DVCI ngày 02-4-2013 với Công ty LSP. Thời gian hợp đồng đến ngày 15-4-2018. Trong điều khoản giữa hai bên không có điều khoản cho thuê lại. Nên việc bị đơn tự ý cho nguyên đơn thuê lại mặt bằng giữ xe tại Công viên LH quận G là vi phạm hợp đồng giữa bị đơn và Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G.

Tháng 9 năm 2016, Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G có thông báo đề nghị chấm dứt hợp đồng với bị đơn vì nợ tiền thuê quá hạn không thanh toán cho Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G. Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G thường xuyên tổ chức kiểm tra bãi giữ xe và các nhân viên trông coi xe đều trình bày là người làm cho bị đơn. Việc nguyên đơn thuê lại và kinh doanh không thông báo cho Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G được biết.

Từ những điều kiện trên, Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G đề nghị Tòa án thụ lý vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Vụ việc này không liên quan đến Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G vì Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G không đồng ý cho bị đơn được phép thuê lại mặt bằng trên. Việc đóng cửa 10 ngày bãi giữ xe là như theo thông báo là không đúng. Vì căn cứ theo hợp đồng thì Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận G chỉ đóng cửa bãi giữ xe khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức sự kiện nhưng không quá 6 ngày.

4). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Hà Thị Lan H) trình bày:

Bà H trước đây là nhân viên làm việc tại Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ LSP. Trong quá trình làm việc, được biết công ty có khoán cho ông T triển khai thực hiện giữ xe tại Công viên LH quận G.

Bà H thay mặt bị đơn nhận tiền mặt bằng của nguyên đơn trả với tổng số tiền là 240.000.000 đồng. Ngoài số tiền trên, bà H không nhận thêm bất cứ một khoản tiền nào nào khác của nguyên đơn trả cho bị đơn. Sau khi nhận tiền, bà H đều nộp về cho bị đơn. Ngoài số tiền trên, bà H không biết trong thời gian nhận khoán công việc giữ xe tại Công viên LH quận G nguyên đơn đã trả cho bị đơn được bao nhiêu tiền mặt bằng. Bà H xác định không tranh chấp và không có yêu cầu gì về số tiền mà các đương sự đang có tranh chấp.

Bà H xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Ngày 16-6-2017, nguyên đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn tại Hợp đồng khoán việc ngày 25-8-2015, Biên bản bàn giao tài sản số 12/LSP-2014 ngày 25-8-2014 và Biên bản bàn giao tài sản số 08/LSP-2015 ngày 25-8-2015 do bị đơn đã cung cấp.

Ngày 19-6-2017, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 898/2017/QĐ-TCGĐ về việc giám định chữ ký, chữ viết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 29-8-2017, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 2193/C54B với nội dung: "*Chữ ký mang tên Phạm Văn T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký mang tên Phạm Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là không phải do cùng một người ký ra*".

Không đồng ý với kết luận của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18-9-2017 bà Đinh Thị L có đơn đề nghị giám định lại.

Ngày 18-9-2017, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại số 2176/2017/QĐ-TCGĐ và đến ngày 17-11-2017, Viện Khoa học hình sự Bộ Công An có Kết luận giám định số 424/C54-P5 với nội dung: "*Chữ ký đứng tên Phạm Văn T duối mục " BÊN NHẬN" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2và chữ ký dưới mục " BÊN B" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Phạm Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là không phải do cùng một người ký ra*".

II- Quyết định của bản án sơ thẩm:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền 211.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc ông Phạm Văn T phải trả cho Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP số tiền là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn T không thanh toán số tiền trên thì phải trả thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP phải trả số tiền 40.000.000 đồng mà ông Cao Quý Đ đã nhận từ ông Phạm Văn T.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu buộc ông Phạm Văn T phải trả 600 thẻ từ và camera tương đương với số tiền là 10.200.000 đồng; số tiền 13.300.000 đồng là tiền mặt bằng trong thời gian Công ty dịch vụ công ích quận G đóng cửa (10 ngày) và số tiền lãi hàng tháng là 33.525.000 đồng cho Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP.

5. Buộc Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP phải trả số tiền 1.500.000 đồng chi phí giám định cho ông Phạm Văn T.

Bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

III- Kháng cáo: Ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 63/2018/KDTM-ST ngày 01-10-2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

IV. Tại phiên tòa phúc thẩm:

1) Đại diện nguyên đơn trình bày kháng cáo:

Nguyên đơn không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 63/2018/KDTM-ST ngày 01-10-2018 về việc "tranh chấp hợp đồng thuê khoán" của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, vì đã không xem xét đầy đủ, toàn diện thực tế quá trình thực hiện Hợp đồng khoán việc ngày 25-8-2014, thực tế thỏa thuận giữa các bên trong việc cấn trừ tiền lãi vay và quá trình thanh toán tiền thuê bãi xe hàng tháng, cũng như không làm rõ động cơ, mục đích của đại diện Công ty LSP trong việc làm giả các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho tòa án. Cụ thể như sau:

- Về việc cấn trừ tiền lãi 10.000.000 đồng hàng tháng từ số tiền 200.000.000 đồng mà bà Đinh Thị L đã vay của ông T vào tiền thuê bãi xe: Ngày 25-8-2014, bà

Đinh Thị L có vay của ông Phạm văn T số tiền là 200.000.000 đồng, với lãi suất là 10.000.000 đồng/tháng. Tôi và bà Đinh Thị L (vừa là tư cách cá nhân, vừa là tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH SX-XD-TM-DV LSP) đã thỏa thuận miệng với nhau là hàng tháng sẽ cấn trừ số tiền lãi vay 10.000.000 đồng mà bà L phải trả cho ông T vào tiền thuê bãi xe của Công ty LSP, ông T chỉ phải thanh toán cho Công ty LSP 30.000.000 đồng/tháng.

- Thực tế, từ ngày 25-8-2014 đến ngày 10-09-2016 các bên đã thực hiện đúng theo thỏa thuận này trong suốt thời gian dài, cụ thể là hàng tháng ông T chỉ thanh toán cho Công ty LSP số tiền thuê bãi xe là 30.000.000 đồng. Công ty LSP cũng như bà Đinh Thị L không có ý kiến, khiếu nại hay tranh chấp gì về việc cấn trừ và thanh toán của tôi như nêu trên.

- Trong một vụ án khác mà ông T đã khởi kiện bà Đinh Thị L để yêu cầu tòa thì ông T chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị L trả lại cho tôi số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng chứ không yêu cầu tính lãi vì tiền lãi đã được cấn trừ vào tiền thuê bãi xe trong vụ án án này. Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử theo Bản án số: 225/2018/DS-ST ngày 04-6-2018. Như vậy, việc thỏa thuận giữa các bên là có thật và đã được thực hiện trên thực tế và không trái với quy định pháp luật nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Về tổng số tiền mà ông T đã thanh toán cho Công ty LSP: Sau khi cấn trừ số tiền lãi hàng tháng thì số tiền mà đã thanh toán cho tổng cộng là: 460.000.000 đồng. Hàng tháng, bà Đinh Thị L trực tiếp nhận tiền hoặc giao cho nhân viên của công ty là bà Hà Thị Lan H (Kế toán trưởng) và ông Cao Quý Đ đến nhà ông T để thu tiền, cụ thể như sau: bà Đinh Thị L nhận 180.000.000 đồng, bà Hà Thị Lan H nhận 240.000.000 đồng, ông Cao Quý Đ nhận 40.000.000 đồng. Trong các lần trả tiền thuê bãi xe hàng tháng mà bà Đinh Thị L nhận tiền thì chỉ có tháng đầu tiên là Công ty LSP lập Phiếu thu, còn các lần tiếp theo bà Đinh Thị L xuống trực tiếp bãi giữ xe hoặc nhà riêng để thu tiền nên không lập phiếu thu nhưng vì giữa tôi và bà Lụa là quan hệ bạn bè và vì tin tưởng nhau nên tôi đã không lập biên nhận cho những lần giao tiền cho bà L. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty LSP đã không thừa nhận số tiền mà bà Hà Thị Lan H và ông Cao Quý Đ đã thu của ông T và một phần số tiền mà bà L đã nhận trực tiếp.

Trong đơn phản tố ngày 28-3-2017 và Đơn phản tố lần 2 ngày 18-5-2017, bà Đinh Thị L chỉ thừa nhận là ông T đã đóng tiền bãi xe được 03 tháng với số tiền là 120.000.000 đồng nên ông T đã yêu cầu Tòa án triệu tập bà Hà Thị Lan H và ông Cao Quý Đ tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền hàng tháng mà bà H và ông Đ đã nhận. Vì không thể cung cấp được cho Tòa án địa chỉ cư trú của ông Cao Quý Đ nên ông T đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mà ông Đ đã nhận.

Sau khi Tòa án triệu tập bà Hà Thị Lan H đã xác nhận là đã nhận của ông T tổng cộng số tiền là 240.000.000 đồng cho Công ty LSP. Lúc này đại diện Công ty LSP mới thừa nhận là đã giao bà H đi thu của tôi số tiền thuê bãi xe hàng tháng nêu trên. Tuy nhiên, sau đó Công ty LSP lại phủ nhận số tiền mà bà Đinh Thị L đã nhận trực tiếp của tôi, chỉ thừa nhận là bà Đinh Thị L nhận số tiền 40.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 23-09-2014. Việc phủ nhận này của Công ty LSP đã mâu thuẫn với chính nội dung trình bày của mình trong đơn phản tố nhưng nội dung này không được tòa án cấp sơ thẩm xem xét làm rõ. Mặc khác, trong quá trình bà Đinh Thị L đại diện Công ty LSP

giao cho bà Hà Thị Lan H và ông Cao Quý Đ đến nhà tôi thu tiền đều xác định rõ là thu tiền bãi xe của từng tháng cụ thể, nếu Công ty TNHH SX-XD-TM-DV LSP cho rằng tôi không thanh toán đầy đủ tiền thuê bãi xe thì tại sao không thông báo nhắc nhở, khiếu nại hoặc thu tiền cho những tháng chưa đóng trước đó mà lại thu tiền của những tháng tiếp theo?

- Tòa án cấp sơ thẩm đã không lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Lan H để làm rõ tại sao hàng tháng bà H chỉ nhận của tôi số tiền là 30.000.000 đồng/tháng mà không nhận 40.000.000 đồng/tháng và tại sao bà H nhận tiền của các tháng sau mà không nhận tiền của những tháng trước mà Công ty TNHH SX-XD-TM-DV LSP cho rằng tôi chưa thanh toán?

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây**:** Hủy Bản án sơ thẩm số 63/2018/KDTM-ST ngày 01-10-2018 về việc "tranh chấp hợp đồng thuê khoán" của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp để xét xử lại hoặc sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2) Đại diện bị đơn trình bày:

Không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, các bên không có thỏa thuận về việc trừ 10.000.000 đồng từ thỏa thuận vay tiền vào tiền khoán 40.000.000 đồng mà ông T phải đóng hàng tháng cho Công ty LSP.

Tranh chấp việc bà Đinh Thị L mượn của ông Phạm Văn T số tiền là 200.000.000 đồng đã được giải quyết trong vụ án khác. Quá trình giải quyết tranh chấp vụ án này, ông T cũng không đề cập đến trừ 10.000.000 đồng từ thỏa thuận vay tiền vào tiền khoán.

Bị đơn xác nhận đã nhận tổng số tiền ông T đóng cho hợp đồng giao khoán là 280.000.000 đồng.

Đối với các tài sản bàn giao giữa hai bên thể hiện trong Hợp đồng giao khoán các bên đã tự giải quyết, không tranh chấp.

Thời gian thực hiện giao khoán: Hợp đồng ký ngày 25-8-2014 hết thời hạn nhưng do nguyên đơn vẫn có nhu cầu thực hiện hợp đồng nên mặc dù chưa đóng đủ tiền cho hợp đồng năm 2014 nhưng bị đơn vẫn ký tiếp hợp đồng ngày 25-8-2015 vì nguyên đơn có đóng tiền cọc 500.000.000 đồng. Hợp đồng ngày 25-8-2015 bị đơn ký trước sau đó gửi cho nguyên đơn ký rồi gửi trả lại, bị đơn chỉ biết chữ ký trong hợp đồng không phải là của ông T khi trưng cầu giám định. Thực tế, ông T thực hiện giữ xe thời gian từ ngày 25-8-2014 đến 10-9-2016, tổng cộng là 24 tháng 15 ngày.

Đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

IV- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án trong giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, Hội đồng xét xử đúng thành phần và phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 63/2018/KDTM-ST ngày 01-10-2018 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T nộp Tòa án trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]- ***Về xem xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn T: :***

[2.1]- Theo Hợp đồng khoán công việc ngày 25-8-2014 được ký giữa Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP thì ông T nhận khoán giữ xe tại Công viên LH, hàng tháng đóng cho Công ty LSP 40.000.000 đồng.

Các bên đều xác nhận thời gian ông T thực hiện giao khoán từ 25-8-2014 đến 10-9-2016, tổng thời gian là 24 tháng 15 ngày. Tổng số tiền phải đóng là 980.000.000 đồng. Số tiền ông T đã đặt cọc là 500.000.000 đồng;

Theo các chứng cứ thanh toán do ông T cung cấp được bị đơn xác nhận thì số tiền đã đóng theo Hợp đồng giao khoán là 280.000.000 đồng

Như vậy, trừ đi số tiện cọc 500.000.000 đồng và số tiền đã đóng là 280.000.000 đồng thì ông T còn phải đóng cho Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP 200.000.000 đồng nữa.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[2.1]- Về kháng cáo của ông T yêu cầu được cấn trừ tiền lãi 10.000.000 đồng hàng tháng từ số tiền bà Đinh Thị L vay ông Phạm Văn T là 200.000.000 đồng vào tiền thuê khoán giữ xe, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy mượn tiền ngày 25-8-2014 do bà Đinh Thị L lập có nội dung bà L mượn của ông Phạm Văn T số tiền là 200.000.000 đồng; thời hạn là 6 tháng; lãi suất 5%/tháng. Đối với công nợ này, ông T đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử và ban hành Bản án số 225/2018/DS-ST ngày 04-6-2018.

Ông T không cung cấp được chứng cứ có sự thỏa thuận giữa ông T và bà L về việc trừ số tiền lãi theo Giấy vay tiền ngày 25-8-2014 vào số tiền liên quan đến Hợp đồng khoán việc ngày 25-8-2014 nên yêu cầu kháng cáo của ông T không có căn cứ để được chấp nhận.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[4]- Án phí:

- Án phí sơ thẩm: Giữ nguyên mức án phí được xác định trong bản án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2018/KDTM-ST ngày 01-10-2018 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền 211.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc ông Phạm Văn T phải trả cho Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP số tiền là 200.000.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP phải trả số tiền 1.500.000 đồng chi phí giám định cho ông Phạm Văn T.

Kể từ ngày Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn T không thanh toán số tiền trên thì phải trả thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP phải trả số tiền 40.000.000 đồng mà ông Cao Quý Đ đã nhận từ ông Phạm Văn T.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu buộc ông Phạm Văn T phải trả 600 thẻ từ và camera tương đương với số tiền là 10.200.000 đồng; số tiền 13.300.000 đồng là tiền mặt bằng trong thời gian Công ty dịch vụ công ích quận G đóng cửa (10 ngày) và số tiền lãi hàng tháng là 33.525.000 đồng cho Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP.

2.Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.550.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.025.000 đồng theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0017724 ngày 20-01-2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh nên còn phải nộp thêm 4.525.000 đồng.

Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ LSP được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.127.500 đồng theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án AA/2016/0018769 ngày 14-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Phạm Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001356 ngày 15-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Hân).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh